

Số: 01/2018/QĐST-KDTM

Thanh Xuân, ngày 08 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2017,

XÉT THẤY

Các thoả thuận của đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.; địa chỉ trụ sở: Số 191 B., phường L., quận H., thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A. – Chức vụ: Chỉ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị N. - Giám đốc xử lý nợ; Bà **Đinh Thị L.** và Bà **Hoàng Minh T.** là Cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. (Giấy uỷ quyền số 1922/2017/UQ-TCB của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.).

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần G.; địa chỉ trụ sở: số 389-391 T. phường K., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của bà **Lê Thanh H.** - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Phạm Văn C.**, sinh năm: 1982, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: AĐ, Q., Thái Bình.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông **Phạm Thiện C.**, sinh năm 1951, trú tại: số 18 phố T., phường N., quận Đ., thành phố Hà Nội.

+ Bà **Phạm Thị L.**, sinh năm 1956, trú tại: số 490 phố T., phường N., quận Đ., thành phố Hà Nội.

+ Ông **Phạm Trung K.**, sinh năm 1975 và Bà **Lê Thanh H.**, sinh năm 1978; cùng trú tại: số 36C phố T., phường K., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

+ Ông **Phạm Tiến A.**, sinh năm 1979 và Bà Nguyễn Thanh L., sinh năm 1979; cùng trú tại: số 490 phố T., phường N., quận Đ., thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ông **Phạm Thiện C.**, Bà **Phạm Thị L.**, Ông **Phạm Trung K.**, Bà **Lê Thanh H.**, Ông **Phạm Tiến A.** và Bà **Nguyễn Thanh L.** là: Ông **Trịnh Anh D.**, sinh năm 1971, trú tại: 37A phố HB., phường Tr., quận H., thành phố Hà Nội - Là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Giấy ủy quyền số 0909 và Giấy ủy quyền số 0910 ngày 31/10/2017; Giấy ủy quyền số 0915 ngày 04/11/2017 được công chứng bởi Văn phòng Công chứng Vượng Phát).

+ Bà **Phạm Thị Vân A.**, sinh năm 1974, trú tại: Tập thể Vật lý 79, L., HD., thành phố Hà Nội;

+ **Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại PTB.**; địa chỉ trụ sở: số 62 ngõ 125 Ng., Phường TH., Quận C., thành phố Hà Nội; ông **Đỗ Văn Hi.**, sinh năm 1960, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 62 ngõ 125 Ng., Phường TH., Quận C., thành phố Hà Nội; chức vụ - Giám đốc - Là người đại diện theo pháp luật.

+ Ông **Nguyễn Đình M.**, sinh năm 1979, trú tại: Xã N., huyện L., Hà Nam

+ Ông **Nguyễn Đình Th.**, sinh năm 1987, trú tại: TTXN 104, tổ 39B, T., Thanh xuân, thành phố Hà Nội

+ Ông **Hoàng Anh V.**, sinh năm 1990, trú tại; tổ 22, Phường Y., Quận C., thành phố Hà Nội

+ Ông **Trần Xuân S.**, sinh năm 1980, trú tại: Số 17 ngách 144/4 phố Q., thành phố Hà Nội

+ Ông **Cao Sỹ Anh T.**, sinh năm 1978, trú tại: Số 11B, ngõ 27, V., Phường B., Quận T., thành phố Hà Nội

+ **Công ty Trách nhiệm hữu hạn KMB**; địa chỉ trụ sở: số 7, Phố H., Phường N., Quận T., thành phố Hà Nội; Ông **Nguyễn Doãn Lê M.**, sinh năm 1967,

đăng ký hộ khẩu thường trú: nhà 26 E1 khu tập thể 8/3, phường QM., quận HB., thành phố Hà Nội; chức vụ - Chủ tịch Hội đồng thành viên - Là người đại diện theo pháp luật

+ Ông **Vũ Ngọc M.**, sinh năm: 1981, trú tại: Đội 4, thôn C., V., H.Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà **Phạm Thị Vân A.**, Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại PTB., Ông **Nguyễn Đình M.**, Ông **Nguyễn Đình Th.**, Ông **Hoàng Anh V.**, Ông **Trần Xuân S.**, Ông **Cao Sỹ Anh T.**, Công ty Trách nhiệm hữu hạn KMB, Ông **Vũ Ngọc M.** là: Ông **Trịnh Anh D.**, sinh năm 1971, trú tại: 37A phố HB., phường Tr., quận H., thành phố Hà Nội - Là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Giấy ủy quyền số 1051.2017/GUQ, số 1052.2017/GUQ, số 1053.2017/GUQ, số 1054.2017/GUQ, số 1055.2017/GUQ ngày 28/12/2017; Giấy ủy quyền số 1056.2017/GUQ, số 1057.2017/GUQ ngày 29/12/2017 và Giấy ủy quyền số 0910 ngày 31/10/2017; Giấy ủy quyền số 0915 ngày 04/11/2017 được công chứng bởi Văn phòng Công chứng Vượng Phát)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ:

Công ty Cổ phần G. xác nhận tính đến ngày 19/12/2017, sau khi Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. rút một phần yêu cầu khởi kiện, Công ty Cổ phần G. còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 466/HĐTD/TH-PN/TCB ngày 04/10/2011 và khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ và các hợp đồng thế chấp

Tổng số tiền là **73.592.032.024 đồng** (bảy mươi ba tỷ, năm trăm chín mươi hai triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng), trong đó:

+ Nợ gốc là **25.000.000.000 đồng**

+ Nợ lãi là **48.592.032.024 đồng**

2.2. Về tài sản bảo đảm:

Công ty Cổ phần G. xác nhận tài sản bảo đảm còn lại để bảo đảm cho phần nghĩa vụ của Công ty Cổ phần G. sau khi TB. rút một phần yêu cầu khởi kiện bao gồm:

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 49 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-5; Diện tích 215,1m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 49 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-05; Diện tích 215,4m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., thành phố Hà Nội;

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 27 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-5; Diện tích 89,9m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., thành phố Hà Nội;

- Quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 26 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-5; Diện tích 90m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., thành phố Hà Nội;

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 26 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-05; Diện tích 89,9m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., thành phố Hà Nội;

2.3. Lãi suất:

Trường hợp Công ty Cổ phần G. (gọi tắt là “CTCP G.”/ “Công ty G.”) thực hiện đúng lộ trình trả nợ theo cam kết tại mục 2.4 dưới đây, Ngân hàng TMCP K. đồng ý:

- Miễn trừ một phần nghĩa vụ trả nợ lãi cho Công ty Cổ phần G., số tiền miễn trừ là: **45.592.032.024 đồng** (tạm tính đến ngày 19/12/2017).

- Áp dụng lãi suất 7%/năm kể từ ngày 20/12/2017 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi khoản nợ của Công ty Cổ phần G. tại Ngân hàng TMCP K. được tất toán.

- Như vậy, tạm tính đến ngày 19/12/2017, sau khi TB. rút một phần yêu cầu khởi kiện, trường hợp Công ty Cổ phần G. thực hiện theo đúng lộ trình trả nợ tại mục 3 dưới đây và được miễn trừ một phần nghĩa vụ trả nợ lãi, miễn trừ toàn bộ nghĩa vụ trả phí thì Công ty Cổ phần G. còn nợ Ngân hàng TMCP K. (gọi tắt là “TB.” hoặc “Ngân hàng”) tổng số tiền là **28.000.000.000 đồng** (trong đó: nợ gốc là 25.000.000.000 đồng; nợ lãi là 3.000.000.000 đồng).

2.4. Lộ trình trả nợ của Công ty CP G.

Công ty Cổ phần G. cam kết trả nợ số tiền **28.000.000.000 đồng** (bằng chữ: hai mươi tám tỷ đồng) và toàn bộ số tiền lãi phát sinh cộng dồn tính từ ngày 20/12/2017 trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi khoản nợ của Công ty Cổ phần G. tại TB. được tất toán với mức lãi suất 7%/năm cho Ngân hàng TMCP K. trong thời hạn **17** tháng.

Thời gian trả nợ bắt đầu từ tháng **01/2018** đến hết **tháng 06/2019**. Cụ thể như sau:

- Kỳ trả nợ ngày **25/4/2018**, Công ty Cổ phần G. cam kết thanh toán số tiền: **2.668.666.241 đồng**; sau khi Công ty Cổ phần G. nộp đủ số tiền **2.668.666.241 đồng**, Ngân hàng TMCP K. đồng ý giải chấp tài sản: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 49 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-5; Diện tích 215,1m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 679886, Số vào sổ cấp GCN: CH01502 do UBND quận T. cấp ngày 23/12/2011 (GCN này thay thế GCN số AM662234 do UBND quận T. cấp ngày 01/12/2009 tại QĐ số 3097.QĐ-UBND) cho ông Phạm Tiến A. và Bà Nguyễn Thanh L.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4564.2011/HĐTC-TCB ngày 04/11/2011.

- Kỳ trả nợ ngày **25/7/2018**, Công ty Cổ phần G. cam kết thanh toán số tiền: **2.677.600.511 đồng**; sau khi Công ty Cổ phần G. nộp đủ số tiền **2.677.600.511 đồng**, Ngân hàng TMCP K. đồng ý giải chấp tài sản: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 49 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-05; Diện tích 215,4m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 679889, Số vào sổ cấp GCN: CH00772 do UBND quận T. cấp ngày 23/12/2011 (GCN này thay thế GCN số AM662237 do UBND quận T. cấp ngày 01/12/2009 tại QĐ số 3097.QĐ-UBND) cho ông Phạm Thiện C. và bà Phạm Thị L.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4557.2011/HĐTC-TCB ngày 04/11/2011.

- Kỳ trả nợ ngày **25/10/2018**, Công ty Cổ phần G. cam kết thanh toán số tiền: **7.573.580.089 đồng**; sau khi Công ty Cổ phần G. nộp đủ số tiền **7.573.580.089 đồng**, Ngân hàng TMCP K. đồng ý giải chấp tài sản là Quyền sử dụng đối với thửa đất số 27 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-5; Diện tích 89,9m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 679953, Số vào sổ cấp GCN: CH01501 do UBND quận T. cấp ngày 23/12/2011 (GCN này thay thế GCN số AM662235 do UBND quận T. cấp ngày 01/12/2009 tại QĐ số 3097.QĐ-UBND) cho ông Phạm Thiện C. và bà Phạm Thị L.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4562.2011/HĐTC-TCB ngày 04/11/2011.

- Kỳ trả nợ ngày **25/01/2019**, Công ty Cổ phần G. cam kết thanh toán số tiền: **7.679.897.894 đồng**; sau khi Công ty Cổ phần G. nộp đủ số tiền **7.679.897.894 đồng**, Ngân hàng TMCP K. đồng ý giải chấp tài sản là: Quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 26 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-5; Diện tích 90m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 679887, Số vào sổ cấp GCN: CH01503 do UBND quận T.

cấp ngày 23/12/2011 (GCN này thay thế GCN số AM662238 do UBND quận T. cấp ngày 01/12/2009 tại QĐ số 3097.QĐ-UBND) cho ông Phạm Trung K. và bà Lê Thanh H.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4519.2011/HĐTC-TCB ngày 01/11/2011.

- Kỳ trả nợ ngày **25/4/2019**, Công ty Cổ phần G. cam kết thanh toán số tiền: **7.400.255.265 đồng**; sau khi Công ty Cổ phần G. nộp đủ số tiền **7.400.255.265 đồng**, Ngân hàng TMCP K. đồng ý giải chấp tài sản là: Quyền sử dụng đối với thửa đất số 26 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-05; Diện tích 89,9m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 047967, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00457 do UBND quận T. cấp ngày 23/07/2010 cho ông Phạm Thiện C. và bà Phạm Thị L.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4563.2011/HĐTC-TCB ngày 04/11/2011.

- Kỳ trả nợ ngày **25/6/2019**, Công ty Cổ phần G. cam kết thanh toán toàn bộ tiền lãi phát sinh cộng dồn từ ngày hòa giải thành trên số nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất 7%/năm.

2.5. Trong trường hợp Công ty CP G. vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào theo lộ trình, trách nhiệm trả nợ và phương thức thanh toán đã cam kết tại mục 2.4 nêu trên (không trả đủ, không trả đúng thời gian cam kết) thì thỏa thuận miễn giảm lãi và thỏa thuận về việc giải chấp tài sản theo nghĩa vụ tương ứng không còn hiệu lực. Khi đó, tổng dư nợ tạm tính đến ngày 19/12/2017 sau khi TB. rút một phần yêu cầu khởi kiện là **73.592.032.024 đồng** (trong đó bao gồm: 25.000.000.000 đồng nợ gốc và 48.592.032.024 đồng nợ lãi) và toàn bộ tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/12/2017 với mức lãi suất 12%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, như sau:

Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án/văn phòng Thừa phát lại kê biên, phát mại tài sản để thu hồi khoản nợ cho ngân hàng. Các tài sản ngân hàng đề nghị kê biên, phát mại bao gồm:

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 49 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-5, Diện tích 215,1m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 679886, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01502 do UBND quận T. cấp ngày 23/12/2011 (GCN này thay thế GCN số AM662234 do UBND quận T. cấp ngày 01/12/2009 tại QĐ số 3097.QĐ-UBND) cho ông Phạm Tiến A. và Bà Nguyễn Thanh L.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4564.2011/HĐTC-TCB ngày 04/11/2011. Tài sản đảm bảo cho phần nghĩa vụ tính đến ngày 19/12/2017 là: **7.014.020.410 đồng** (bao gồm: 2.382.737.715 đồng nợ gốc và 4.631.282.695 đồng nợ lãi) và toàn bộ tiền lãi phát sinh

tính từ ngày 20/12/2017 với mức lãi suất 12%/năm trên số nợ gốc là 2.382.737.715 đồng đến khi Công ty G. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K..

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 49 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-05, diện tích 215,4m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 679889, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00772 do UBND quận T. cấp ngày 23/12/2011 (GCN này thay thế GCN số AM662237 do UBND quận T. cấp ngày 01/12/2009 tại QĐ số 3097.QĐ-UBND) cho ông Phạm Thiện C. và bà Phạm Thị L.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4557.2011/HĐTC-TCB ngày 04/11/2011. Tài sản đảm bảo cho phần nghĩa vụ tính đến ngày 19/12/2017 là: **7.037.502.233 đồng** (bao gồm: 2.390.714.742 đồng nợ gốc và 4.646.787.491 đồng nợ lãi) và toàn bộ tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/12/2017 với mức lãi suất 12%/năm trên số nợ gốc là 2.390.714.742 đồng đến khi Công ty G. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K..

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 27 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-5, diện tích 89,9m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 679953, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01501 do UBND quận T. cấp ngày 23/12/2011 (GCN này thay thế GCN số AM662235 do UBND quận T. cấp ngày 01/12/2009 tại QĐ số 3097.QĐ-UBND) cho ông Phạm Thiện C. và bà Phạm Thị L.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4562.2011/HĐTC-TCB ngày 04/11/2011. Tài sản đảm bảo cho phần nghĩa vụ tính đến ngày 19/12/2017 là: **19.905.541.017 đồng** (bao gồm: 6.762.125.080 đồng nợ gốc và 13.143.415.937 đồng nợ lãi) và toàn bộ tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/12/2017 với mức lãi suất 12%/năm trên số nợ gốc là 6.762.125.080 đồng đến khi Công ty G. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K..

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 26 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-5, diện tích 90m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 679887, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01503 do UBND quận T. cấp ngày 23/12/2011 (GCN này thay thế GCN số AM662238 do UBND quận T. cấp ngày 01/12/2009 tại QĐ số 3097.QĐ-UBND) cho ông Phạm Trung K. và bà Lê Thanh H.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4519.2011/HĐTC-TCB ngày 01/11/2011. Tài sản đảm bảo cho phần nghĩa vụ tính đến ngày 19/12/2017 là: **20.184.974.706 đồng** (bao gồm: 6.857.051.691 đồng nợ gốc và 13.327.923.015 đồng nợ lãi) và toàn bộ tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/12/2017 với mức lãi suất 12%/năm trên số nợ gốc là 6.857.051.691 đồng đến khi Công ty G. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K..

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 26 (1P), tờ bản đồ số F48a-104-05, diện tích 89,9m²; và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7 phố H., phường N., quận T., TP Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 047967, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00457 do UBND quận T. cấp ngày 23/07/2010 cho ông Phạm Thiện C. và bà Phạm Thị L.; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4563.2011/HĐTC-TCB ngày 04/11/2011. Tài sản đảm bảo cho phần nghĩa vụ tính đến ngày 19/12/2017 là: **19.449.993.658 đồng** (bao gồm: 6.607.370.772 đồng nợ gốc và 12.842.622.886 đồng nợ lãi) và toàn bộ tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/12/2017 với mức lãi suất 12%/năm trên số nợ gốc là 6.607.370.772 đồng đến khi Công ty G. thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP K..

2.6. Toàn bộ số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại và/hoặc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần G. đối với Ngân hàng TMCP K.. Trường hợp số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại và/hoặc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty G. vẫn phải tiếp tục trả hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K..

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần G. tự nguyện chịu nửa số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 45.398.008 đồng (bốn mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, không trăm linh tám đồng)

- Ngân hàng Thương mại cổ phần K. tự nguyện chịu nửa số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 45.398.008 đồng (bốn mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, không trăm linh tám đồng). Được trừ vào số tiền 94.786.000 đồng tiền tạm ứng kinh doanh thương mại sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/07976 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. 49.387.992 đồng (bốn mươi chín triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Xuân;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Anh